

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 18-02-2020
V/v “Tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lương Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 64/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thúy H**, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, Phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh **Trần Hữu D**, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, Phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

3. Người kháng cáo: Anh Trần Hữu D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy H và anh Trần Hữu D kết hôn với nhau ngày 21-01-2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do anh D chơi bời, nợ nần, nên vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, chị H đã tạo cơ hội cho anh D sửa sai nhưng anh D không thay đổi, hai bên đã tự hoà giải và nói chuyện với nhau nhưng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Từ tháng 12/2018 cho đến nay chị và anh D đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H đã về ở nhà bố mẹ tại thôn 3, xã Đ Đ, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên đề nghị Toà án nhân dân thành phố YB giải quyết ly hôn. Anh D không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh D đều xác định có hai con chung là Trần Hữu L, sinh ngày 29-8-2013 và Trần Quỳnh T, sinh ngày 29-6-2016. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T, anh D nuôi dưỡng cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2019/HNGĐ-ST ngày 18-11-2019 của Toà án nhân dân thành phố YB đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy H được ly hôn anh Trần Hữu D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quỳnh T, sinh ngày 29-6-2016; giao cho anh Trần Hữu D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hữu L, sinh ngày 29-8-2013, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị H, anh D không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo; nghĩa vụ nộp án phí và thi hành án và cho các đương sự.

Ngày 09-12-2019, anh Trần Hữu D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm: Chị H không nhất trí để anh D nuôi cả hai con chung; anh D đưa ra lý do: Chị H công tác tại Nhà khách Hòa Gia tỉnh Yên Bái nên không có thời gian chăm sóc các con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh D giữ nguyên nội dung kháng cáo; chị H không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh D, chị đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hữu D, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của bị đơn hợp lệ.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[2.2] Xét kháng cáo của anh D về việc xin được nuôi cả hai con chung:

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì: Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên; hiện anh D và chị H đều có đủ điều kiện nuôi con, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quỳnh T sinh ngày 29-6-2016 và giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hữu L sinh ngày 29-8-2013 là phù hợp quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các bên, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của các con.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đối với đề nghị được nuôi cả hai con chung. Chị H xuất trình giấy xác nhận thu nhập, hiện chị là nhân viên Nhà khách Hào Gia tỉnh Yên Bái có thu nhập là 5.100.000đồng/tháng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hữu D. Giữ nguyên bản án số 64/2019/HNGĐ-ST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố YB về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh D không được chấp nhận, nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hữu D; giữ nguyên Bản án số 64/2019/HNGĐ-ST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố YB về “Tranh chấp nuôi con” như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 71; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quỳnh T sinh ngày 29-6-2016; giao cho anh Trần Hữu D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hữu L, sinh ngày 29-8-2013, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị H, anh D không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Hữu D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp ngày 17-12-2019, theo biên lai số AA/2017/0005231 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyền về thi hành án dân sự: Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 3, TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND, VKSND Tp YB;
- Chi cục THADS Tp YB;
- UBND p. ĐT, Tp YB;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Thu Hương

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hằng rút phần nội dung kháng cáo nêu trên. Vì vậy, Toà án cấp phúc thẩm đình chỉ việc giải quyết nội dung này của bị đơn nêu ra.

Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên chị Trần Thị Hằng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289; khoản 1 Điều 300 và Điều 307 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 10-8-2017 của Toà án nhân dân huyện Yên Bình như sau:

1. Giao cho anh Hà Quốc Trung được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Anh Tuấn, sinh ngày 01-10-2008; Giao cho chị Trần Thị Hằng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Anh Ngọc, sinh ngày 12-11-2013; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Đình chỉ việc giải quyết nội dung kháng cáo của bị đơn là chị Trần Thị Hằng về việc không nhất trí với biên bản thỏa thuận chia tài sản chung

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị Hằng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp ngày 18-8-2017, theo biên lai số AA/2013/05199 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Chị Trần Thị Hằng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Quân

Nguyễn Thị Thu Lan

Vũ Dũng